

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *684* /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày *21* tháng *3* năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; huyện nông thôn mới
nâng cao; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng
nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính
phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính
phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị
xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới
và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Ban Chấp hành
Đảng bộ tỉnh khóa XIX về Chương trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với
xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hưng Yên giai
đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số
43/TTr-SNN ngày 17/3/2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; huyện nông thôn mới nâng cao; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025 (*Chi tiết tại Phụ lục số 01, 02, 03 kèm theo*).

Điều 2. Nhiệm vụ của các sở, ngành

Căn cứ chức năng quản lý nhà nước, ban hành hướng dẫn thực hiện, hướng dẫn đánh giá nội dung các tiêu chí thuộc lĩnh vực được phân công theo dõi, quản lý (*Hoàn thành trước ngày 10/4/2023*); theo dõi, đôn đốc các địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện nội dung các tiêu chí; trong quá trình thực hiện có vấn đề mới phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế và các quy định có liên quan, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *W*

Nơi nhận: *8*

- Như Điều 3;
- BCĐ TW các Chương trình MTQG;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Văn

Phụ lục số: 01
BỘ TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HUNG YÊN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh)

1. Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025).

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phụ trách tổng hợp, đánh giá

2. Có ít nhất 10% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025).

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phụ trách tổng hợp, đánh giá

3. Có 100% số thị trấn trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh.

Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Phụ trách đánh giá

4. Việc lấy ý kiến hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện được thể hiện qua phiếu hỏi gồm 10 câu hỏi (theo mẫu của Ban Trường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam). Tỷ lệ hài lòng của người dân từ câu hỏi số 01 đến câu hỏi số 09 phải đạt trung bình từ 90% trở lên (trong đó, tỷ lệ hài lòng của người dân từng xã đối với kết quả ở từng nội dung xây dựng nông thôn mới phải đạt từ 80% trở lên); câu hỏi số 10 phải đạt từ 95% trở lên số hộ được lấy ý kiến hài lòng.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Phụ trách đánh giá

5. Đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm:

TT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	GIAO SỞ, NGÀNH HƯỚNG DẪN, ĐÁNH GIÁ
1	Quy hoạch		
1.1	Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.	Đạt	Sở Xây dựng
1.2	Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.	≥01 công trình	
2	Giao thông		
2.1	Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm.	Đạt	Sở Giao thông Vận tải
2.2	Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch.	100%	
2.3	Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên.	Đạt	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai		
3.1	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
3.2	Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.	Đạt	

4	Điện Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống.	Đạt	Sở Công thương
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục		
5.1	Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn.	Đạt	Sở Y tế
5.2	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã.	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5.3	Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên.	$\geq 60\%$	Sở Giáo dục và Đào tạo
5.4	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục.	Cấp độ 1	
6	Kinh tế		
6.1	Đáp ứng được một trong các nội dung sau:		
-	Có khu công nghiệp	Đạt	Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	Có cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật	Đạt	Sở Công thương
-	Có cụm ngành nghề nông thôn.	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
6.2	Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.	Đạt	Sở Công thương
6.3	Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện.	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
6.4	Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả.	Đạt	
7	Môi trường		
7.1	Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh.	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
7.2	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.	$\geq 40\%$	
7.3	Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên.	≥ 01 mô hình	Sở Nông nghiệp và PTNT
7.4	Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp.	≥ 01 công trình	Sở Tài nguyên và Môi trường
7.5	Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu.	Đạt	
7.6	Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn.	$\geq 02m^2/người$	
7.7	Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.	$\geq 50\%$	
7.8	Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định.	100%	
7.9	Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường.	$\geq 50\%$	

8	Chất lượng môi trường sống		
8.1	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung.	$\geq 43\%$	Sở Nông nghiệp và PTNT
8.2	Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.	$\geq 35\%$	
8.3	Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
8.4	Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Đạt	
8.5	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	Sở Nông nghiệp và PTNT
9	Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công		
9.1	Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Đạt	Sở Nội vụ
9.2	Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	100%	
9.3	Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.	Không	
9.4	Đảm bảo an ninh, trật tự.	Đạt	Công an tỉnh
9.5	Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên,	Đạt	Sở Nội vụ
9.6	Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.	Đạt	Sở Tư pháp

Phụ lục số: 02
QUY ĐỊNH THỊ XÃ, THÀNH PHỐ HOÀN THÀNH
NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH HƯNG YÊN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh)

1. Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025).

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phụ trách tổng hợp, đánh giá

2. Có ít nhất 01 xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phụ trách tổng hợp, đánh giá

3. Có 100% số phường trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh.

Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Phụ trách đánh giá

4. Việc lấy ý kiến hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của thị xã, thành phố được thể hiện qua phiếu hỏi gồm 09 câu hỏi (theo mẫu của Ban Trường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam). Tỷ lệ hài lòng của người dân từ câu hỏi số 01 đến câu hỏi số 08 phải đạt trung bình từ 90% trở lên (trong đó, tỷ lệ hài lòng của người dân từng xã đối với kết quả ở từng nội dung xây dựng nông thôn mới phải đạt từ 80% trở lên); câu hỏi số 09 phải đạt từ 95% trở lên số hộ được lấy ý kiến hài lòng.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Phụ trách đánh giá

5. Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị trên địa bàn tối thiểu là 5 m²/người.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường: Phụ trách đánh giá. 

Phụ lục số: 03
BỘ TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HUNG YÊN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh)

1. Là huyện đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025).

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phụ trách tổng hợp, đánh giá

2. Có ít nhất 65% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2021-2025).

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phụ trách tổng hợp, đánh giá

3. Có ít nhất 20% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2021-2025).

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phụ trách tổng hợp, đánh giá

4. Việc lấy ý kiến hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của huyện được thể hiện qua phiếu hỏi gồm 10 câu hỏi (theo mẫu của Ban Trường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam). Tỷ lệ hài lòng của người dân từ câu hỏi số 01 đến câu hỏi số 09 phải đạt trung bình từ 95% trở lên (trong đó, tỷ lệ hài lòng của người dân từng xã đối với kết quả ở từng nội dung xây dựng nông thôn mới phải đạt từ 85% trở lên); câu hỏi số 10 phải đạt từ 98% trở lên số hộ được lấy ý kiến hài lòng.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Phụ trách đánh giá

5. Đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm:

TT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	GIAO SỞ, NGÀNH HƯỚNG DẪN, ĐÁNH GIÁ
1	Quy hoạch		
1.1	Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn.	Đạt	Sở Xây dựng
1.2	Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.	Đạt	
2	Giao thông		
2.1	Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa.	Đạt	Sở Giao thông Vận tải
2.2	Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.	100%	
2.3	Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên.	Đạt	

3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai		
3.1	Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuyên đổi số.	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
3.2	Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện.	Đạt	
3.3	Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.	Khá	
4	Điện		
	Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan.	Đạt	Sở Công thương
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục		
5.1	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).	≥95%	Sở Y tế
5.2	Có công viên hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao.	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5.3	Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả.	Đạt	
5.4	Có 100% số trường Trung học phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
5.5	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục.	Cấp độ 2	
6	Kinh tế		
6.1	Đáp ứng được một trong các nội dung sau:		
-	Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên.	Đạt	Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	Có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên.	Đạt	Sở Công thương
-	Có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ.	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
6.2	Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến.	Đạt	
6.3	Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2 hoặc trung tâm thương mại đạt chuẩn theo quy định.	Đạt	Sở Công thương
6.4	Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả.	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
6.5	Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
7	Môi trường		
7.1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định.	≥95%	Sở Tài nguyên và Môi trường
7.2	Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.	100%	
7.3	Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu	≥80%	Sở Nông nghiệp và

	gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường.		PTNT
7.4	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.	$\geq 70\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường
7.5	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp.	$\geq 50\%$	
7.6	Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn.	$\geq 4m^2/người$	
7.7	Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện.	Đạt	
7.8	Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.	$\geq 85\%$	
7.9	Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường.	100%	
8	Chất lượng môi trường sống		
8.1	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung.	$\geq 53\%$	Sở Nông nghiệp và PTNT
8.2	Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm.	≥ 80 lít	
8.3	Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.	$\geq 40\%$	
8.4	Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường.	≥ 01 mô hình	Sở Tài nguyên và Môi trường
8.5	Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Đạt	
8.6	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	Sở Nông nghiệp và PTNT
8.7	Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.	100%	
8.8	Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện.	Không	Sở Y tế
8.9	Có mô hình xã, thôn thông minh		
a)	Có ít nhất một mô hình xã thông minh.	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
b)	Có ít nhất hai mô hình thôn thông minh của hai xã khác với xã quy định tại mục a, nội dung 8.9.	Đạt	
9	Quốc phòng và An ninh		
9.1	An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao.	Đạt	Công an tỉnh
9.2	Có dịch vụ công trực tuyến.	Mức độ 4	Sở Nội vụ